

Số: 24/BC - BDT

Bắc Giang, ngày 08 tháng 3 năm 2018

BÁO CÁO

Kết quả 03 năm (2016 - 2018) thực hiện các chương trình, chính sách đối với 36 thôn, bản đặc biệt khó khăn nhất; thực trạng kinh tế - xã hội, cơ sở hạ tầng các thôn, bản đặc biệt khó khăn nhất tỉnh và đề xuất giải pháp thực hiện giai đoạn 2019 - 2021

Thực hiện Quyết định số 853/QĐ-UBND ngày 01/12/2017 của UBND tỉnh, về việc tham mưu cho UBND tỉnh trình Ban Thường vụ Tỉnh ủy cho ý kiến về đề nghị xây dựng Nghị quyết của HĐND tỉnh sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 34/2015/NQ-HĐND ngày 11/12/2015 của Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XVII, kỳ họp lần thứ 14 về quy định chính sách hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng đối với 36 thôn, bản đặc biệt khó khăn nhất tỉnh Bắc Giang, giai đoạn 2016 - 2018.

Ban Dân tộc đã phối hợp với UBND các huyện Sơn Động, Lục Ngạn, Lục Nam, Yên Thế đánh giá kết quả 03 năm (2016 - 2018) thực hiện các chương trình, chính sách đối với 36 thôn/bản ĐBK nhất và kiểm tra, rà soát các thôn/bản còn nhiều khó khăn tại thời điểm 2017 để đề xuất giải pháp thực hiện giai đoạn 2019-2021; kết quả đánh giá và kiểm tra, rà soát như sau:

I. KẾT QUẢ SAU 03 NĂM (2016-2018) THỰC HIỆN CÁC CHƯƠNG TRÌNH, CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI 36 THÔN, BẢN ĐBK NHẤT TỈNH

1. Công tác quản lý chỉ đạo và kiểm tra giám sát

Ngày 11/12/2015 HĐND tỉnh khóa XVII, kỳ họp thứ 14 đã ban hành Nghị quyết số 34/NQ-HĐND về quy định chính sách hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng đối với 36 thôn, bản đặc biệt khó khăn nhất tỉnh Bắc Giang, giai đoạn 2016 - 2018.

Để cụ thể hóa chính sách theo quy định tại Nghị quyết 34/NQ-HĐND, UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 775/QĐ-UBND ngày 25/12/2015 phê duyệt đề án thực hiện các chính sách hỗ trợ đối với 36 thôn bản đặc biệt khó khăn nhất tỉnh, ban hành Kế hoạch số 285/KH-UBND ngày 01/2/2016 về thực hiện đề án 36 thôn bản khó khăn nhất tỉnh năm 2016, Quyết định số 540/QĐ-UBND ngày 13/4/2016 và Quyết định số 657/QĐ-UBND ngày 29/4/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh về phân công các đơn vị, doanh nghiệp giúp đỡ các thôn, bản ĐBK nhất tỉnh và hàng năm UBND tỉnh ban hành các Quyết định phê phân bổ nguồn vốn đầu tư xây dựng công trình hạ tầng... Ban dân tộc tỉnh, các ngành liên quan liên quan, UBND các huyện đã ban hành kế hoạch hướng dẫn, chỉ đạo các địa phương, cơ sở triển khai thực hiện.

Công tác lập kế hoạch, chuẩn bị đầu tư được thực hiện theo đúng quy định, hàng năm, Ban Dân tộc đã phối hợp chặt chẽ với UBND các huyện, Sở Tài chính triển khai thực hiện các thủ tục, quy trình xây dựng cơ bản theo đúng quy định để trình Chủ tịch UBND tỉnh giao vốn thực hiện hàng năm.

Công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện các chương trình, chính sách đối với 36 thôn, bản ĐBKK nhất tỉnh được các cấp, các ngành quan tâm thực hiện. Trong 02 năm (2016 - 2017), TT Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh đã kiểm tra, nắm bắt tình hình tại 28/36 thôn, bản, trong đó, đồng chí Bí thư Tỉnh ủy đã kiểm tra, nắm bắt trực tiếp tình hình tại 03 thôn, bản; các đồng chí Thường trực HĐND, UBND tỉnh đã kiểm tra, nắm tình hình tại 28/36 thôn/bản; Ban Dân tộc, UBND các huyện và các sở, ngành liên quan thường xuyên kiểm tra, giám sát và hướng dẫn, chỉ đạo việc thực hiện chính sách tại cơ sở. Thông qua kiểm tra, nắm bắt tình hình cụ thể của từng thôn, bản và từng xã, Tỉnh ủy, UBND tỉnh và các ngành liên quan đã có những chỉ đạo kịp thời, thiết thực và phù hợp với từng xã, thôn, bản trong công tác phát triển kinh tế - xã hội và an ninh quốc phòng, cũng như công tác chỉ đạo, triển khai thực hiện các chương trình, chính sách đối với các thôn, bản ĐBKK nhất tỉnh.

Công tác sơ kết, tổng kết đánh giá thực hiện Nghị quyết được thực hiện theo đúng quy định và chỉ đạo của UBND tỉnh. Ban Dân tộc (cơ quan chủ trì chương trình) đã tham mưu cho UBND tỉnh sơ kết, đánh giá kết quả 01 năm thực hiện Nghị quyết; năm 2018, UBND tỉnh đã ban hành kế hoạch tổng kết 03 năm (2016 -2018) thực hiện và đề xuất sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 34/2015/NQ- HĐND ngày 11/12/2015 của Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XVII.

2. Kết quả thực hiện các chương trình, chính sách

Trong 03 năm (2016-2018), tổng nguồn vốn từ các chương trình, dự án, chính sách và nguồn vốn vay đầu tư, hỗ trợ cho 36 thôn, bản là trên 154,625 tỷ đồng, đạt 157% KH (vượt 56,170 tỷ đồng so với mục tiêu đề ra), bình quân mỗi thôn, bản 4,29 tỷ đồng/thôn, bản; trong đó:

2.1. Về xây dựng cơ sở hạ tầng

Với tổng nguồn vốn gần 74 tỷ đồng, đã đầu tư, hỗ trợ xây dựng 83 công trình cơ sở hạ tầng cho 36 thôn/bản ĐBKK nhất tỉnh, trong đó:

- Từ nguồn ngân sách tỉnh là 36 tỷ đồng, đã xây dựng 19 công trình thủy lợi, 18 công trình giao thông;

- Các nguồn vốn lồng ghép (*chương trình 135, chương trình nông thôn mới, chương trình 30a, vốn theo Quyết định 755/QĐ-TTg...*): Với số vốn gần 28 tỷ đồng, đã đầu tư xây dựng 16 công trình giao thông, 03 công trình thủy lợi, 03 công trình nước tập trung, 06 nhà văn hóa, 02 công trình điện.

- Từ nguồn vốn của các đơn vị, doanh nghiệp giúp đỡ trên 9,9 tỷ đồng đã hỗ trợ xây dựng 16 công trình cơ sở hạ tầng và 10 căn nhà Đoàn kết cho Cựu chiến binh, nạn nhân chất độc màu da cam.

2.2. Hỗ trợ xây dựng mô hình phát triển sản xuất: Thực hiện hỗ trợ 2.971,21 triệu đồng cho 36 thôn, bản xây dựng mô hình phát triển sản xuất với 1.005 hộ tham gia, trong 02 năm đã có 25/36 thôn, bản xây dựng được mô hình hỗ trợ phát triển sản xuất theo hướng tập trung. Trong đó 14 thôn, bản thôn, bản thực hiện mô hình trồng trọt, với giống cây trồng chủ yếu là Bưởi da xanh, Nhãn chín muộn; 05 thôn bản thực hiện mô hình chăn nuôi, với giống vật nuôi chủ yếu là Gà lai ri, Gà lai mía; 04 thôn, bản thực hiện mô hình chăn nuôi và trồng trọt; 02 thôn bản thực hiện mô hình cấp máy cắt cỏ và trồng trọt.

Dự kiến kinh phí hỗ trợ năm 2018 là 1.800 triệu đồng, thực hiện hỗ trợ xây dựng mô hình phát triển sản xuất cho 500 hộ trên địa bàn 36 thôn/bản.

2.3. Chính sách tín dụng ưu đãi: Trong 02 năm (2016-2017), các tổ chức tín dụng, nhất là Ngân hàng chính sách xã hội đã triển khai chính sách tín dụng ưu đãi cho 1.686 hộ với tổng số vốn giải ngân trên 48.454 triệu đồng. Qua đó đã nâng dư nợ cho vay bình quân đối với các hộ dân trên địa bàn 36 thôn/bản ĐBKK nhất từ 14,5 trđ/hộ năm 2015 lên 28,7 triệu đồng/hộ năm 2017. Dự kiến trong năm 2018, các tổ chức tín dụng sẽ bố trí cho vay và đáo nợ đối với trên 800 hộ, với số vốn dự kiến giải ngân trên 26.000 triệu đồng, nâng tổng số vốn giải ngân trong 03 năm lên 74.454 triệu đồng, nâng mức dư nợ bình quân tại 36 thôn/bản ĐBKK nhất tỉnh lên khoảng 30 triệu đồng/hộ.

2.4. Các đơn vị, doanh nghiệp giúp đỡ 36 thôn, bản ĐBKK nhất:

Ngay sau khi có Quyết định số 540/QĐ-UBND ngày 13/4/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh về phân công các đơn vị, doanh nghiệp giúp đỡ các thôn, bản ĐBKK nhất tỉnh. Ban Dân tộc đã tham mưu cho UBND tỉnh tổ chức hội nghị giao nhiệm vụ cho các đơn vị, doanh nghiệp được phân công. Sau hội nghị, nhiều đơn vị, doanh nghiệp đã tiến hành xây dựng kế hoạch khảo sát và triển khai các hoạt động hỗ trợ đối với thôn/bản được phân công.

Trong 02 năm (2016-2017) đã có 11 đơn vị, doanh nghiệp đã triển khai những hoạt động thiết thực trong việc giúp đỡ các thôn bản được phân công. Với tổng số vốn hỗ trợ trên 5,9 tỷ đồng đã hỗ trợ xây dựng 03 Nhà văn hóa, 05 công trình lớp học, 01 trạm bơm và 10 nhà Đoàn kết cho Cựu chiến binh, nạn nhân chất độc màu da cam. Trong đó, Thành ủy, UBND thành phố Bắc Giang đã hỗ trợ xây dựng 02 nhà văn hóa cho thôn Khe Khuôi và bản Mùng - xã Dương Hưu, huyện Sơn Động, với tổng số vốn hỗ trợ trên 1,4 tỷ đồng; Công ty bất động sản Hà Quang (Thành phố Nha Trang - Khánh Hòa) đã hỗ trợ xây dựng 10 nhà Đoàn kết cho Cựu chiến binh,

nạn nhân chất độc màu da cam và tài trợ 900 suất học bổng cho các cháu học sinh người dân tộc thiểu số, với tổng số vốn hỗ trợ xây dựng, tài trợ trên 1,2 tỷ đồng; Công ty xăng dầu Hà Bắc hỗ trợ xây dựng 02 lớp học mầm non cho hai thôn Đồng Phai, Đồng Chùa - xã Hộ Đáp, huyện Lục Ngạn, với tổng số vốn hỗ trợ trên 500 triệu đồng; Công ty cổ phần may Bắc Giang hỗ trợ xây thêm lớp học cho Trường Tiểu học và THCS khu lẻ ở thôn Nghè Mản, Đá Húc - xã Bình Sơn, huyện Lục Nam, với tổng vốn hỗ trợ trên 200 triệu đồng; Ngân hàng Nông nghiệp và PTNT hỗ trợ xây dựng các công trình phụ trợ Trường Mầm non khu lẻ bản Vua Bà - xã Trường Sơn, huyện Lục Nam, với số vốn hỗ trợ trên 300 triệu đồng; Công ty may xuất khẩu Hà Bắc hỗ trợ sửa chữa Nhà văn hóa bản Còn Trang - xã Canh Nậu, huyện Yên Thế, với số vốn hỗ trợ trên 300 triệu đồng; Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam chi nhánh Bắc Giang đang hỗ trợ xây dựng Trường Tiểu học thôn Đồng Mậm và thôn Cổ Vải - xã Sơn Hải, với số vốn hỗ trợ 2 tỷ đồng. Các đơn vị khác như: Công ty công trình giao thông Bắc Giang, Công ty cổ phần may Đáp Cầu, Chi nhánh Viettel Bắc Giang, Ngân hàng thương mại cổ phần Quân đội - Chi nhánh Bắc Giang đã giúp đỡ sửa chữa khắc phục hoạt động của Trạm bơm thôn Nũn - xã Phong Minh, tặng hàng trăm suất quà cho hộ nghèo, hộ chính sách trên địa bàn các thôn bản được phân giúp đỡ.

Dự kiến năm 2018 có 4 đơn vị, doanh nghiệp triển khai giúp đỡ các thôn/bản xây dựng 06 công trình, với số vốn đăng ký khoảng 4 tỷ đồng

2.5. So sánh kết quả bố trí nguồn vốn thực hiện đề án sau 03 năm

TT	Nội dung thực hiện	Kế hoạch nhu cầu vốn (trđ)	Kết quả thực hiện (trđ)	So sánh kế hoạch với thực hiện (trđ)
	Tổng số	98.455	154.625	+ 56.170
1	Hỗ trợ xây dựng hạ tầng cơ sở	53.700	64.000	+ 10.300
-	Vốn ngân sách tỉnh	36.000	36.000	0
-	Vốn chương trình 135 và các chương trình khác	17.700	28.000	+ 10.300
2	Hỗ trợ xây dựng mô hình phát triển sản xuất	7.515	6.271	- 1.244
-	Ngân sách NN hỗ trợ	5.400	4771,21	- 629
-	Vốn đối ứng của hộ dân	2.115	1.500,00	- 615

3	Chính sách ưu đãi tín dụng	37.240	74.454	+ 37.214
4	Nguồn vốn huy động các đơn vị, doanh nghiệp		9.900	+ 9.900

Tổng số vốn sau 03 năm thực hiện đã đạt 154.625 triệu đồng, vượt 56.170 triệu đồng, đạt 157% so với kế hoạch nhu cầu vốn đề ra. Các nội dung bố trí được nguồn vốn thực hiện vượt kế hoạch gồm: Vốn CT135 và các chương trình khác lồng ghép xây dựng hạ tầng cơ sở; vốn vay tín dụng ưu đãi; vốn huy động các đơn vị, doanh nghiệp giúp đỡ.

Riêng nguồn vốn hỗ trợ xây dựng mô hình phát triển sản xuất chỉ đạt 83,4% kế hoạch. Nguyên nhân chủ yếu là do các xã (chủ đầu tư) bố trí nguồn vốn không đủ theo kế hoạch đề ra, vì: Vốn hỗ trợ PTSX thuộc Chương trình 135 TW bố trí được 80% so với định mức quy định, trong khi tỷ lệ hộ nghèo trên địa bàn xã còn cao, ngoài 36 thôn, bản ĐBKK nhất tỉnh còn nhiều hộ nghèo ở thôn, bản khác cần được hỗ trợ; các hộ tham gia chủ yếu là hộ nghèo nên khả năng bố trí nguồn vốn đối ứng còn hạn chế.

2.6. Kết quả thực hiện các mục tiêu đề ra của Đề án

TT	Mục tiêu của đề án đến năm 2020	Kết quả thực hiện đến hết năm 2018	Nguyên nhân chính.
1	Tỷ lệ hộ nghèo của 36 thôn(bản) bình quân mỗi năm giảm $\geq 5\%$ /thôn,bản	Tỷ lệ hộ nghèo giảm bình quân 4,16% năm -Thấp hơn so với mục tiêu đề ra	<ul style="list-style-type: none"> - Điều kiện tự nhiên của khu vực còn nhiều khó khăn, thiếu đất sản xuất khó khắc phục ngay trong thời gian ngắn; - Trình độ và kinh nghiệm chăn nuôi, sản xuất của người dân còn hạn chế; - Thu nhập chính của các hộ là từ nông nghiệp; tình trạng dư thừa lao động nhưng thiếu việc làm còn phổ biến. - Các chương trình, chính sách mới được thực hiện cần có thời gian nhất định để phát huy hiệu quả.

2	Xây dựng, cải tạo các công trình thủy lợi đáp ứng khả năng tưới tiêu chủ động từ 50% diện tích canh tác trở lên.	Diện tích tưới tiêu chủ động chỉ đạt 36,25%. -Thấp hơn so với mục tiêu đề ra	- Nhu cầu xây dựng, cải tạo lớn do địa bàn rộng, hiểm trở.... - Nguồn lực bố trí chưa đáp ứng nhu cầu.
3	80% các thôn, bản có đường giao thông đi lại thuận lợi đến trung tâm xã, kể cả trong mùa mưa.	Tỷ lệ đường giao thông nông thôn được kiên cố hóa đạt 34,16%. -Thấp hơn so với mục tiêu đề ra	
4	100% hộ dân có nhu cầu vay vốn, được tiếp cận nguồn vốn tín dụng ưu đãi để phát triển sản xuất, kinh doanh, giảm nghèo, cải tạo nhà ở...	Đạt vượt so với mục tiêu đề ra	

3. Hiệu quả sau 3 năm thực hiện Nghị quyết

Thông qua thực hiện các nội dung của đề án đã góp phần cải thiện, phát triển cơ sở hạ tầng phục vụ sản xuất, đi lại, giao thương hàng hóa, tăng cường cơ sở vật chất giáo dục và thiết chế văn hóa cơ sở; giúp chuyển dịch cơ cấu cây trồng, vật nuôi, thúc đẩy phát triển kinh tế qua đó góp phần giảm nghèo, cải thiện và nâng cao đời sống người dân các thôn, bản đặc biệt khó khăn nhất của tỉnh; mở ra hướng đi mới, xóa bỏ thói quen cũ lạc hậu, bảo thủ để phát triển kinh tế theo hướng bền vững.

- Hệ thống giao thông được cải thiện đáng kể, với 28 công trình được đầu tư xây dựng đã tạo điều kiện thuận lợi trong việc đi lại, giao thương hàng hóa, khắc phục tình trạng giao thông khó khăn nhất là trong mùa mưa, lũ cho trên 3.800 hộ dân tại 26 thôn, bản ĐBKK nhất tỉnh và trên 30 thôn, bản vùng lân cận. Trong đó, đã giải quyết dứt điểm sự cách trở về giao thông (phải đi bằng thuyền) của thôn Đồng Mậm - xã Sơn Hải, huyện Lục Ngạn thông qua mở đường dân sinh dài 12 km nối thôn Đồng Mậm ra thôn Đáp, với tổng kinh phí gần 2.000 triệu đồng, trong đó có 900 triệu đồng do nhân dân đóng góp và các nhà hảo tâm trợ giúp; giải quyết cơ bản đường giao thông liên thôn thường xuyên trơn trượt trong mùa mưa tại 3 thôn của xã Hộ Đáp, tạo điều kiện thuận lợi cho việc giao thương, vận chuyển hàng hóa khi phải qua khe, suối cho các hộ dân ở 12 thôn, bản. Giúp nâng tỷ lệ đường giao thông được kiên cố hóa của các thôn/bản ĐBKK nhất tỉnh từ 17,31% lên 34,16 %.

+ Giúp đảm bảo chủ động trữ nước và dẫn nước tưới tiêu cho gần 190 ha diện tích cấy lúa và trên 100 ha đất trồng rau màu, cây ăn quả; tạo điều kiện thuận lợi cho các hộ trong việc chăn nuôi gia súc, gia cầm. Nâng tỷ lệ kênh mương nội đồng được kiên cố hóa từ 20,97% lên 35,42%; nâng diện tích được tưới tiêu chủ động từ 28,42% lên 36,25%.

+ Các cơ sở giáo dục và thiết chế văn hóa cơ sở tại các thôn, bản ĐBKK nhất được tăng cường, cải thiện, các chương trình, dự án đã giúp cho 13 thôn, bản xây mới, sửa chữa nhà văn hóa để sinh hoạt cộng đồng (*huyện Sơn Động: thôn Mùng, Khe Khuôi - xã Dương Hưu, thôn Đồng Dương, Nà Trắng - xã An Lạc, thôn Tân Lập - xã Tuấn Mậu; huyện Lục Ngạn: thôn Nũn - xã Phong Minh, thôn Rãng Trong, Rãng Ngoài - xã Sa Lý, thôn Đồng Phai, Đồng Chùa - xã Hộ Đáp; thôn Đá Húc - xã Bình Sơn - huyện Lục Nam; huyện Yên Thế: bản Cồn Trang - xã Canh Nậu, bản Hồ Rích - xã Đông Sơn*), nâng số thôn có nhà văn hóa từ 14 thôn năm 2015 lên 23 thôn năm 2018. Qua đó giúp củng cố, tăng cường thiết chế văn hóa, giữ gìn, phổ biến các giá trị văn hóa của đồng bào các dân tộc thiểu số trên địa bàn. Cải tạo, sửa chữa và xây mới 08 lớp học tiểu học và mầm non, giúp đảm bảo nhu cầu và điều kiện học tập cho trên 200 cháu học sinh mẫu giáo và tiểu học ở các thôn, bản.

+ Giải quyết dứt điểm tình trạng chưa có điện lưới quốc gia cho thôn Khuôn Thần - xã Kiên Lao, huyện Lục Ngạn, nâng tỷ lệ thôn, bản đã có điện lưới Quốc gia lên 100%, tạo điều kiện thuận lợi trong sinh hoạt và phục vụ sản xuất của các hộ.

+ Việc thực hiện hỗ trợ phát triển sản xuất theo mô hình tập trung từ 7 -10 hộ nghèo/mô hình đã hạn chế tình trạng dàn trải, tập trung chia đều theo Dự án hỗ trợ phát triển sản xuất đang triển khai trên địa bàn. Đến nay, qua đánh giá cho thấy có những mô hình phát triển tốt, hiệu quả như: Mô hình nuôi cá lồng ở xã Sơn Hải- huyện Lục Ngạn; mô hình trồng Cam Vinh ở xã Canh Nậu- huyện Yên Thế, mô hình nuôi Lợn nái sinh sản ở thôn Đồng Dương, xã An Lạc- huyện Sơn Động, mô hình trồng Nhân chín muộn ở xã Lục Sơn, huyện Lục Nam... Thông qua việc thực hiện các mô hình hỗ trợ phát triển sản xuất đã cơ bản giúp người dân vùng 36 thôn, bản ĐBKK nhất tình thay đổi được nhận thức trong sản xuất nông nghiệp, biết chuyển đổi cơ cấu mùa vụ, cây trồng, vật nuôi và áp dụng các biện pháp kỹ thuật mới vào sản xuất. Qua đó, góp phần chuyển dịch cơ cấu sản xuất, tăng thu nhập, nâng cao đời sống của người dân, giúp nhiều hộ thoát nghèo vươn lên làm giàu.

- Việc tập trung bố trí vốn vay ưu đãi đã tạo điều kiện thuận lợi và đáp ứng gần 100% số hộ dân trên địa bàn 36 thôn, bản đặc biệt khó khăn nhất tình được tiếp cận các nguồn vốn ưu đãi, đảm bảo phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh, cải thiện nguồn nước sinh hoạt và vệ sinh môi trường, trang trải chi phí học tập của con

em các hộ dân trên địa bàn các thôn, bản đặc biệt khó khăn nhất (dự kiến dư nợ bình quân /hộ tăng từ 14,5 trđ/hộ năm 2015 lên 30 triệu đồng/hộ năm 2018).

- Nhận thức về việc làm phi nông nghiệp của nhiều bộ phận thanh niên trong khu vực đã có sự chuyển biến tích cực. Hiện nay, tại 36 thôn, bản ĐBKK nhất tỉnh đã có 576 người có việc làm ổn định tại các khu công nghiệp, 52 lao động đã đi xuất khẩu lao động.

- Đề án đã huy động được nguồn vốn xã hội hóa từ các đơn vị, doanh nghiệp giúp thôn, bản ĐBKK, gắn kết doanh nghiệp, cơ quan, đơn vị với người dân thông qua công tác thiện nguyện, điển hình tham gia giúp các thôn bản, người dân là: UBND thành phố Bắc Giang, Công ty bất động sản Hà Quang (Thành phố Nha Trang - Khánh Hòa), Công ty xăng dầu Hà Bắc, Công ty cổ phần may Bắc Giang, Ngân hàng Nông nghiệp và PTNT tỉnh Bắc Giang, Công ty may xuất khẩu Hà Bắc, Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam chi nhánh Bắc Giang.

Từ những hiệu quả trên đã góp phần quan trọng trong việc đưa tỷ lệ hộ nghèo 36 thôn/bản ĐBKK nhất tỉnh giảm từ 61,15% năm 2015 xuống còn 52.83% năm 2017, tỷ lệ giảm nghèo bình quân 4,16%/năm. Đặc biệt là 06 thôn của huyện Lục Ngạn trong 03 năm có tỷ lệ hộ nghèo giảm trên 20%, trong đó: Thôn Răng Trong - xã Sa Lý, thôn Khuôn Thân - xã Kiên Lao, thôn Khuôn Kén - xã Tân Sơn, thôn Rì - xã Phong Vân, thôn Mới - xã Cẩm Sơn, thôn Đồng Mậm - xã Sơn Hải.

4. Đánh giá chung

4.1. Ưu điểm

- Chính sách đã cơ bản hoàn thành kế hoạch đề ra, đáp ứng được nhu cầu, nguyện vọng của nhân dân trong vùng; đã giải quyết cơ bản các yêu cầu cấp thiết về giao thông, thủy lợi, thúc đẩy phát triển sản xuất và góp phần ổn định đời sống người dân trên địa bàn 36 thôn/bản ĐBKK nhất tỉnh; góp phần nâng cao nhận thức người dân trong phát triển sản xuất, chuyển dịch cơ cấu cây trồng, vật nuôi và giúp chuyển biến nhận thức về việc làm phi nông nghiệp đối với thanh niên trong vùng;

- Đã huy động, lồng ghép được nhiều nguồn vốn từ các chương trình, chính sách khác và sự giúp đỡ của các đơn vị, doanh nghiệp tạo thêm nguồn lực, động lực trợ giúp các thôn, bản ĐBKK nhất tỉnh cải thiện cơ sở hạ tầng thiết yếu, ổn định sản xuất và phát triển kinh tế - xã hội.

- Giúp cho 26/36 thôn, bản ĐBKK nhất tỉnh (giai đoạn 2016-2018), chiếm tỷ lệ 72% số thôn bản, thoát ra khỏi diện thôn/bản ĐBKK nhất tỉnh do đã được đầu tư các công trình giải quyết được vấn đề giao thông đi lại trong mùa mưa và các công trình thủy lợi đã đáp ứng khả năng tưới tiêu. Theo điều tra khảo sát nhu cầu, 26 thôn này có nhu cầu chủ yếu là cứng hóa đường giao thông – tuy nhiên, hiện nay tỉnh đã

có chủ trương hỗ trợ cứng hóa đường giao thông nông thôn theo Nghị quyết 07/2017/NQ-HĐND tỉnh.

- Nhiều xã, thôn/bản đã có những cố gắng, tích cực trong việc triển khai các nội dung theo quy định của đề án, qua đó giúp phát huy được hiệu quả trong triển khai thực hiện các chương trình, chính sách trên địa bàn. Giúp người dân dần từng bước xóa bỏ trông chờ ỷ, vờn lên phát triển làm giàu trên chính quê hương mình. Nổi bật là các thôn: Góc Dồi - xã Canh Nậu; thôn Cổ Vải - xã Sơn Hải; bản Vua Bà - xã Trường Sơn; thôn Đồng Dương, Nà Trắng - xã An Lạc....

4.2. Hạn chế

- Công tác chỉ đạo, thực hiện Nghị quyết, đề án của một số cấp ủy chính quyền huyện, xã chưa quyết liệt; một số doanh nghiệp chưa vào cuộc để triển khai các nội dung giúp đỡ các thôn, bản theo phân công của Chủ tịch UBND tỉnh; công tác huy động nhân dân trong thôn/bản tham gia xây dựng công trình còn hạn chế...

- Một số UBND xã (chủ đầu tư) còn hạn chế công tác chuẩn bị đầu tư dẫn tới chậm thi công công trình, điều chỉnh danh mục công trình nhiều lần, chậm giải ngân nguồn vốn, như một số xã thuộc huyện Lục Ngạn, Sơn Động.

- Dự án hỗ trợ PTSX chưa được các chủ đầu tư quan tâm xây dựng được mô hình phát triển sản xuất tập trung, dàn trải, chia đều dẫn tới giảm hiệu quả của dự án.

- 10 thôn/bản mặc dù đã được đầu tư từ chương trình, dự án, chính sách nhưng vẫn rất khó khăn về hạ tầng cơ sở, nhất là giao thông trong mùa mưa và khó khăn về các công trình thủy lợi phục vụ tưới tiêu, chăn nuôi, sản xuất; tỷ lệ giảm nghèo của một số thôn, bản còn chậm, đời sống và điều kiện sinh hoạt của người dân còn nhiều khó khăn, thiếu thốn.

- Việc lồng ghép, bố trí nguồn vốn từ các chương trình, dự án khác để đầu tư, hỗ trợ cho các thôn, bản ĐBKK nhất tỉnh còn hạn chế.

4.3. Nguyên nhân

4.3.1. Nguyên nhân những ưu điểm, kết quả đạt được

- Công tác triển khai thực hiện các chương trình, chính sách đối với 36 thôn, bản ĐBKK nhất tỉnh luôn nhận được sự quan tâm chỉ đạo của Thường trực Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh; các ngành, các huyện liên quan đã có sự phối hợp đồng bộ trong công tác hướng dẫn, chỉ đạo và triển khai thực hiện chính sách tại cơ sở.

- UBND tỉnh và các sở, ngành, các cơ quan liên quan đã chủ động cụ thể hóa các chính sách, kịp thời ban hành các văn bản hướng dẫn, chỉ đạo điều hành tạo điều kiện thuận lợi trong việc triển khai thực hiện, cũng như tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện các chương trình, chính sách tại cơ sở.

- 11/28 đơn vị, doanh nghiệp đã tích cực trong việc giúp đỡ các thôn, bản ĐBKK nhất tỉnh theo nội dung, kế hoạch và nhiệm vụ được phân công.

4.3.2. Nguyên nhân hạn chế

- Công tác chỉ đạo của một số huyện chưa sát sao, một số xã (chủ đầu tư) còn tâm lý trông chờ vào huyện, tỉnh; chưa chủ động trong thực hiện đề án, trong bố trí lồng ghép nguồn vốn, chưa tích cực trong việc tiếp cận các đơn vị, doanh nghiệp để kêu gọi thêm nguồn vốn hỗ trợ.

- Một số xã thuộc dự án chưa quan tâm đến phát triển mô hình sản xuất, chưa định hướng, hướng dẫn người dân chọn mô hình PTSX hiệu quả; bố trí nguồn kinh phí hỗ trợ cho các thôn, bản hàng năm còn thấp, nhiều thôn, bản không đạt định mức theo quy định (*50 triệu đồng/thôn, bản/năm*), năm 2017 một số xã không bố trí vốn cho thôn, bản thực hiện, như: Thôn Tân Lập - xã Tuấn Mậu, thôn Luông - xã Vĩnh Khương, thôn Khe Khuôi và bản Mùng - xã Dương Hưu - huyện Sơn Động; thôn Khuôn Trắng, Đồng Phai, Đồng Chùa - xã Hộ Đáp, thôn Đồng Mậm- xã Sơn Hải - huyện Lục Ngạn; bản Còn Trang- xã Canh Nậu - huyện Yên Thế.

- Một số công trình mới đưa vào sử dụng, chương trình, chính sách mới triển khai trong năm 2016 và 2017 chưa có thời gian để phát huy hiệu quả.

- Một số hộ dân vẫn còn tư tưởng trông chờ ỷ lại, nặng tâm lý muốn được cho không, việc dễ làm khó bỏ; ý trí, nỗ lực thoát nghèo, vươn lên làm giàu chưa nhiều.

Mặc dù đã đạt được những hiệu quả, kết quả khả quan sau 03 năm (2016 - 2018) thực hiện các chương trình, chính sách đối với 36 thôn, bản ĐBKK nhất tỉnh. Tuy nhiên, hiện nay tình hình kinh tế - xã hội và cơ sở hạ tầng của 36 thôn, bản ĐBKK nhất tỉnh và nhiều thôn, bản ĐBKK khác trên vùng dân tộc thiểu số của tỉnh còn nhiều khó khăn, nhất là giao thông trong mùa mưa và khó khăn về các công trình thủy lợi phục vụ cho sản xuất; ngoài ra khu vực này còn nhiều khó khăn về nước sinh hoạt, thiếu đất sản xuất và còn nhiều hộ do điện áp yếu không đảm bảo phục vụ sản xuất....

Thực hiện Nghị quyết Đại hội đảng bộ tỉnh Bắc Giang lần thứ XVIII về đẩy mạnh phát triển kinh tế vùng dân tộc và miền núi theo hướng bền vững; gắn phát triển kinh tế với giải quyết tốt các vấn đề xã hội, giảm sự chênh lệch khoảng cách phát triển giữa các dân tộc và giữa các vùng trong tỉnh, Chương trình công tác năm 2018 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy và Quyết định số 853/QĐ-UBND ngày 01/12/2017 của UBND tỉnh, về việc giao nhiệm vụ tham mưu xây dựng Nghị quyết của HĐND tỉnh sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 34/2015/NQ- HĐND ngày 11/12/2015 của Hội đồng nhân dân tỉnh. Trong tháng 12/2017, Ban Dân tộc đã phối hợp với UBND các huyện Sơn Động, Lục Ngạn, Lục Nam, Yên Thế đã tiến hành rà

soát, đánh giá kết quả thực hiện các chương trình chính sách sau 03 năm thực hiện và tiến hành đánh giá thực trạng kinh tế - xã hội, cơ sở hạ tầng của 36 thôn/bản ĐBKK nhất tỉnh và các thôn/bản ĐBKK khác (theo Quyết định số 582/QĐ-TTg ngày 28/4/2017 của Thủ tướng Chính phủ, phê duyệt danh sách thôn đặc biệt khó khăn, xã khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2016 -2020) có tỷ lệ hộ nghèo trên 50%.

Qua kết quả rà soát của các huyện cho thấy, hiện nay trên địa bàn tỉnh có 62/407 thôn, bản ĐBKK còn rất khó khăn về điều kiện kinh tế - xã hội và cơ sở hạ tầng, trong đó có những thôn rất khó khăn về công trình thủy lợi, như chưa có các hồ, đập chứa nước hoặc có nhưng đã hỏng hóc, xuống cấp, cộng thêm hệ thống kênh mương còn tạm bợ thất thoát nguồn nước, nên không đảm bảo khả năng trữ nước phục vụ tưới tiêu; một số thôn/bản giao thông còn nhiều khó khăn, từ trung tâm thôn ra đến đường liên thôn qua đồi, núi dốc, thường xuyên bị trơn trượt, sạt lở, nhiều đoạn phải qua khe, suối nên thường xuyên bị ngăn cách vào mùa mưa ...trong đó:

- Có 36 thôn/bản (gồm 10 thôn/bản được đầu tư giai đoạn 2016 - 2018, nhưng rất khó khăn về nước sản xuất, ngầm giao thông phục vụ dân sinh và 26 thôn/bản ĐBKK mới) có nhu cầu cấp bách xây dựng ngầm dân sinh, đường tránh lũ để giải quyết đi lại trong mùa mưa và nhu cầu xây dựng, sửa chữa hồ, đập trữ nước phục vụ sản xuất;

- Có 26 thôn/bản còn lại, nhu cầu chủ yếu là cứng hóa đường giao thông – tuy nhiên, hiện nay tỉnh đã có chủ trương hỗ trợ cứng hóa đường giao thông nông thôn theo Nghị quyết 07/2017/NQ-HĐND tỉnh.

Đối chiếu theo tiêu chí nghèo quy định tại Quyết định số 59/2015/QĐ-TTg ngày 19/11/2015 của Thủ tướng Chính phủ, về việc ban hành chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều áp dụng cho giai đoạn 2016 – 2020 và thực tế khảo sát tại 62 thôn/bản ĐBKK. Từ những khó khăn và nhu cầu xây dựng của 62 thôn/bản trên, sau khi kiểm tra thực tế tại cơ sở và thống nhất với UBND các huyện, Ban Dân tộc lựa chọn 36 thôn/bản có nhu cầu cấp bách cần xây dựng ngầm, hồ, đập để đề xuất với Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh xem xét đưa vào kế hoạch hỗ trợ trong giai đoạn 2019 - 2021 (36 thôn bản khó khăn nhất, gồm: 10 thôn/bản ĐBKK nhất tỉnh đã được đầu tư trong giai đoạn 2016-2018 và 26 thôn/bản ĐBKK mới đề nghị đầu tư công trình hồ đập, đường tránh lũ, tránh trơn trượt, ngầm giao thông).

Đây là 36 thôn/bản ĐBKK nhất hiện nay, với tỷ lệ hộ nghèo chiếm tới 53,17%, cao gấp hơn gần 5,6 lần so với bình quân chung của tỉnh (9,53%); gấp 2,41 lần so với bình quân chung của vùng dân tộc thiểu số (22,07%); nằm trong khu vực chủ yếu là vùng cao, thường xuyên gặp khô hạn, khó khăn trong việc tạo nguồn nước sinh hoạt, hộ phải sử dụng nước sinh hoạt trực tiếp từ khe suối chiếm tỷ lệ

28,19% tổng số hộ trong khu vực; số hộ thiếu nước sinh hoạt vào mùa khô là 21,5%; tình trạng thiếu đất sản xuất còn lớn, chiếm tỷ lệ 22,83% tổng số hộ; nghề nghiệp và thu nhập chính của người dân trong khu vực chủ yếu là nông, lâm nghiệp, chiếm tỷ lệ 92,35%.

Về cơ sở hạ tầng, giao thông đi lại rất khó khăn nhất là từ thôn/bản ra trung tâm xã, cơ bản là đường đất, nhỏ hẹp, gồ ghề, trơn trượt, thường xuyên sạt lở và cách trở, đi lại khó khăn trong mùa mưa; tỷ lệ đường giao thông chưa được cứng hóa chiếm tỷ lệ lớn 64,35%, trong khu vực có 172 điểm phải đi qua khe, suối nhưng có đến 85 điểm chưa có ngầm hoặc cầu bắc qua; kết cấu hạ tầng cơ sở về thủy lợi yếu kém, nhiều hạng mục công trình thủy đã và đang xuống cấp, hỏng hóc, hiệu suất sử dụng thấp; hệ thống mương nội đồng chưa được kiên cố hóa còn cao, chiếm 68,09%; diện tích canh tác chưa được tưới tiêu chủ động còn lớn, chiếm 64,94% cấp; còn 12 thôn, bản chưa có Nhà văn hóa/nhà sinh hoạt cộng đồng và 10 thôn, bản chưa có lớp học mẫu giáo.

Trong 36 thôn/bản đề nghị hỗ trợ giai đoạn 2019-2021, có 26 thôn/bản chưa nằm trong diện đầu tư của tỉnh nên rất khó khăn, nhất là giao thông trong mùa mưa và khó khăn về các công trình thủy lợi phục vụ tưới tiêu, chăn nuôi, sản xuất...rất cần sự quan tâm đầu tư hỗ trợ của tỉnh nhằm giúp giảm nghèo bền vững...

II. THỰC TRẠNG KINH TẾ - XÃ HỘI CỦA 36 THÔN, BẢN ĐBKK NHẤT ĐỀ NGHỊ ĐƯỢC ĐẦU TƯ, HỖ TRỢ TRONG GIAI ĐOẠN 2019 -2021

1. Về điều kiện chung

Đây là khu vực cách xa cách trung tâm xã bình quân từ 5-10 km, cách trung tâm huyện bình quân từ 25-30 km; nằm trong khu vực khó khăn nhất về kinh tế -xã hội, cơ sở hạ tầng, về thời tiết, về điều kiện sản xuất và sinh sống; địa bàn 36 thôn/bản đặc biệt khó khăn nhất đề nghị được đầu tư hỗ trợ giai đoạn 2019 – 2021 (*sau đây gọi tắt là 36 thôn/bản ĐBKK nhất*) có tổng diện tích tự nhiên là 22.048,40 ha, trong đó: Diện tích đất lâm nghiệp 19.431,49 ha; đất nông nghiệp là 1.385,67 ha; diện tích đất khác là 1.231,24 ha; tổng dân số là 4.367 hộ, 18.240 khẩu, trong đó: Người dân tộc thiểu số là 3.417 hộ, 14.574 khẩu, chiếm 79,9% tổng dân số khu vực.

2. Về đời sống, sinh hoạt và sản xuất

- Về tỷ lệ hộ nghèo, cận nghèo: Trong những năm qua cùng với sự đầu tư của nhà nước và sự nỗ lực vươn lên của người dân trong những năm qua, tình hình kinh tế và đời sống người dân đã có chuyển biến tích cực. Tuy nhiên, so sánh với các khu vực khác, khu vực 36 thôn/bản này có tỷ lệ hộ nghèo, cận nghèo còn rất cao so với bình quân chung của tỉnh và khu vực. Với tỷ lệ hộ nghèo chiếm tới 53,17%, cao gấp hơn gần 5,6 lần so với bình quân chung của tỉnh (9,53%); gấp 2,41 lần so với bình

quân chung của vùng dân tộc thiểu số (22,07%); tỷ lệ hộ cận nghèo của khu vực là 22,33%.

- Về nguồn nước sinh hoạt và nhà tiêu hợp vệ sinh: Do nằm trong khu vực chủ yếu là vùng cao, thường xuyên gặp khô hạn, khó khăn trong việc tạo nguồn nước sinh hoạt nên số hộ còn phải sử dụng nước sinh hoạt trực tiếp từ khe, suối là 1.231 hộ, chiếm tỷ lệ 28,19% tổng số hộ trong khu vực; số hộ thiếu nước sinh hoạt vào mùa khô là 939 hộ, chiếm tỷ lệ 21,5%; tỷ lệ hộ sử dụng nhà tiêu chưa hợp vệ sinh chiếm số lượng lớn, với 2.132 hộ, chiếm tỷ lệ 48,82 % tổng số hộ của khu vực.

- Nhiều thôn/bản trong khu vực, tình trạng thiếu đất sản xuất của các hộ dân còn lớn, với 997/4.367 hộ, chiếm tỷ lệ 22,83% tổng số hộ; tập trung chủ yếu tại các thôn, bản thuộc các xã: Dương Hưu, Hữu Sản, Thanh Luận, Chiên Sơn - huyện Sơn Động; Sa Lý, Hộ Đáp, Sơn Hải, Tân Sơn, Phong Vân - huyện Lục Ngạn; Đồng Hưu, Đồng Tiến, Tiến Thắng - huyện Yên Thế; Lục Sơn, Trường Sơn- huyện Lục Nam ...

- Nghề nghiệp và thu nhập chính của người dân trong khu vực chủ yếu là nông, lâm nghiệp, với 4.033 hộ, chiếm tỷ lệ 92,35%; chỉ có 334 hộ, chiếm 7,65% có nguồn thu nhập chính từ buôn bán, sản xuất nhỏ và ngành nghề ngoài nông nghiệp khác. Trên địa bàn có 144 người thoát ly khỏi nông, lâm nghiệp; số lượng lao động làm tại các khu công nghiệp còn thấp, 652 người và chỉ có 63 người hiện đang xuất khẩu lao động.

4. Về cơ sở hạ tầng

- Về điện lưới quốc gia: Trong những năm qua, được sự quan tâm đầu tư của Đảng và Nhà nước, đến nay trong khu vực 36 thôn/bản ĐBKK nhất đã có 100% thôn, bản được cấp điện lưới quốc gia. Tuy nhiên vẫn còn 34 hộ chưa có điện, nhiều hộ (670/4.367 hộ) nằm ở xa trạm biến áp nên nguồn điện yếu, không đảm bảo nhu cầu điện phục vụ sản xuất. Tập trung ở các thôn thuộc các xã: An Lạc, Tuấn Mậu – huyện Sơn Động; xã Tân Sơn, Sơn Hải, Cẩm Sơn, Tân Lập, Phú Nhuận – huyện Lục Ngạn; xã Lục Sơn, Bình Sơn, Trường Sơn, Vô Tranh – huyện Lục Nam; xã Canh Nậu, Đồng Vương – huyện Yên Thế.

- Về giao thông: Qua rà soát cho thấy khu vực 36 thôn/ bản ĐBKK nhất vẫn còn rất khó khăn về đường giao thông từ thôn/bản ra trung tâm xã, cơ bản là đường đất, nhỏ hẹp, gồ ghề, trơn trượt, thường xuyên sạt lở và cách trở, đi lại khó khăn trong mùa mưa; tỷ lệ đường giao thông chưa được cứng hóa chiếm tỷ lệ lớn, với 139km/216km, chiếm 64,35% tập trung ở: huyện Sơn Động: thôn Đồng Làng, Mùng – xã Dương Hưu, thôn Đồng Tàn – xã An Bá, thôn Đồng Bang – xã Chiên Sơn; huyện Lục Ngạn: thôn Rãng Trong - xã Sa Lý, thôn Cái Cạn – xã Hộ Đáp, thôn Khuôn Tỏ, Khuôn Kén – xã Tân Sơn, thôn Đồng Mạm – xã Sơn Hải, thôn Bền – xã Cẩm Sơn, thôn Ruồng – xã Đèo Gia, thôn Hòa Trong – xã Tân Lập, thôn Khuôm –

xã Phú Nhuận; huyện Lục Nam: thôn Suối Mản, Đá Húc – xã Bình Sơn, thôn Đồng Vành 2 – xã Lục Sơn, bản Vua Bà, xã Trường Sơn, thôn Bắc Máng – xã Vô Tranh; huyện Yên Thế: thôn Trại Mía – xã Đồng Vương, thôn Nà Táng – xã Canh Nậu, thôn Trại Mới – xã Đồng Hưu....

Trong khu vực có 172 điểm phải đi qua khe, suối nhưng có đến 85 điểm chưa có ngầm hoặc cầu bắc qua, tập trung nhiều ở huyện Sơn Động: thôn Đồng Làng, Mùng – xã Dương Hưu, thôn Thanh Chung – xã Tuấn Mậu; huyện Lục Ngạn: thôn Khuôn Kén – xã Tân Sơn, thôn Đồng Mậm – xã Sơn Hải, thôn Chăm Khon, Bền – xã Cẩm Sơn, thôn Khuôm – xã Phú Nhuận; huyện Lục Nam: thôn Suối Mản, Đá Húc – xã Bình Sơn, thôn Đồng Vành 2 – xã Lục Sơn, thôn Bắc Máng – xã Vô Tranh.... Tại 30 điểm đã được xây dựng cầu bắc qua, chỉ có 04 cầu chất lượng còn tốt, 08 cầu trung bình, 09 cầu đã hỏng hóc, xuống cấp và có 09 cầu được bắc bằng gỗ tạm bợ. Tại 57 điểm đã xây dựng ngầm, có 15 ngầm còn tốt, 13 ngầm chất lượng bình thường và có tới 29 ngầm đã xuống cấp. Những khó khăn về giao thông đã làm ảnh hưởng lớn tới việc phát triển kinh tế và giao lưu phát triển thương mại, văn hóa, xã hội của cộng đồng dân cư trên địa bàn.

- Về thủy lợi: Kết cấu hạ tầng cơ sở về thủy lợi của 36 thôn, bản ĐBKK nhất còn thấp, nhiều hạng mục công trình thủy đã và đang xuống cấp, hỏng hóc, hiệu suất sử dụng thấp. Trong số 25 hồ chứa và đập dâng, đập tràn hiện có trên địa bàn khu vực này, có 08 công trình chất lượng bình thường, 17 công trình đã xuống cấp, cần được khắc phục, sửa chữa. Tập trung nhiều ở huyện Sơn Động: Thôn Góc Gạo – xã Cẩm Đàn, thôn Thanh Chung – xã Tuấn Mậu; bản Vua Bà – xã Trường Sơn- huyện Lục Nam: thôn Đồng An – xã Đồng Tiến – huyện Yên Thế.....

Hệ thống mương nội đồng chưa được kiên cố hóa còn cao 64/94 km, chiếm 68,09% tổng chiều dài kênh mương hiện có; thậm chí có thôn chưa có hệ thống kênh mương, do diện tích gieo trồng nằm chủ yếu trong phạm vi dâng nước của hồ Cẩm Sơn. Diện tích canh tác chưa được tưới tiêu chủ động còn lớn 489/753 ha, chiếm 64,94% tổng diện tích gieo trồng hàng năm; nhiều thôn diện tích chưa được tưới tiêu chủ động còn cao trên 70% như, : thôn Đồng Làng, xã Dương Hưu, thôn Luông, xã Vĩnh Khương, thôn Nam Bồng, xã Bồng Am - huyện huyện Sơn Động; thôn Khuôn Tỏ, Khuôn Kén, xã Tân Sơn, thôn Đồng Mậm, Cỏ Vài – xã Sơn Hải, thôn Bền, Chăm Khon, xã Cẩm Sơn, thôn Vựa Ngoài, xã Phong Vân, thôn Khuôm – xã Phú Nhuận - huyện Lục Ngạn; thôn Suối Mản, Đá Húc, xã Bình Sơn, thôn Bắc Máng, xã Vô Tranh -huyện Lục Nam....

Hệ thống trạm bơm được đầu tư xây dựng qua nhiều năm sử dụng, nhiều trạm đã hỏng hóc xuống cấp, trong số 08 trạm bơm hiện có, chỉ còn 02 trạm hoạt động tốt, 06 trạm còn lại đã xuống cấp, cần duy tu, sử chữa.

Việc chưa chủ động nguồn nước tưới tiêu ảnh hưởng lớn đến điều kiện sản xuất, chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi cho phù hợp với thổ nhưỡng và xu hướng phát triển của xã hội...

- Về nhà văn hóa và lớp học mẫu giáo: Tại thời điểm rà soát, còn 12/36 thôn, bản chưa có Nhà văn hóa/nhà sinh hoạt cộng đồng; một số thôn có Nhà văn hóa nhưng chưa đạt chuẩn, diện tích nhỏ, thiếu trang thiết bị, một số công trình đang hỏng hóc và xuống cấp. Lớp học mẫu giáo đã được quan tâm đầu tư xây dựng, nhưng vẫn còn 10/36 thôn, bản chưa có lớp học mẫu giáo; một số lớp mẫu giáo hiện có chưa đủ cơ sở vật chất, trang thiết bị đảm bảo nhu cầu vui chơi, học tập cho trẻ em trong khu vực. *(Chi tiết về thực trạng về kinh tế - xã hội và cơ sở hạ tầng theo biểu 03 - 09 đính kèm)*

Qua rà soát trên cho thấy tình hình kinh tế, xã hội, cơ sở hạ tầng của 36 thôn/bản ĐBKK nhất (được lựa chọn đề xuất đưa vào hỗ trợ trong giai đoạn 2019-2021) còn rất nhiều khó khăn cần được hỗ trợ đầu tư xây dựng, với tổng dự toán kinh phí theo nhu cầu khoảng 400 tỷ đồng. Trong đó những khó khăn cấp thiết nhất cần được giải quyết trước mắt hiện nay của những thôn, bản này là giao thông đi lại trong mùa mưa và nguồn nước, hạ tầng phục vụ sản xuất.

Dự kiến nhu cầu vốn để hỗ trợ một số công trình thủy lợi và giao thông thiết yếu nhất và một số chương trình, chính sách khác cho 36 thôn/bản ĐBKK nhất trong giai đoạn 2019 - 2021 là: 180 tỷ đồng, trong đó:

- Về xây dựng hạ tầng: 114 tỷ đồng., trong đó:
- + *Vốn từ ngân sách tỉnh:* 54 tỷ đồng;
- + *Vốn lồng ghép các chương trình dự án:* 40 tỷ đồng;
- + *Nguồn vốn hỗ trợ từ các doanh nghiệp:* 20 tỷ đồng;
- Về dự án hỗ trợ PTSX: 6 tỷ đồng;
- Về Nguồn vốn vay: 50 tỷ đồng;
- Về hỗ trợ xã hội hóa: 10 tỷ đồng.

III. ĐỀ XUẤT PHƯƠNG HƯỚNG

1. Căn cứ đề xuất sửa đổi Nghị quyết số 34/2015/NQ-HĐND ngày 11/12/2015 của HĐND tỉnh Bắc Giang khóa XVII

1.1. Căn cứ pháp lý

- Nghị quyết số 24-NQ/TW ngày 12/3/2003 Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương (khoá IX) về công tác dân tộc;

- Nghị định số 05/2011/NĐ-CP ngày 14/01/2011 của Chính phủ về công tác dân tộc;

- Quyết định số 449/QĐ-TTg ngày 12/3/2013 và Quyết định số 2356/QĐ-TTg ngày 04/12/2013 của Thủ tướng Chính phủ, về phê duyệt Chiến lược công tác dân tộc đến năm 2020 và ban hành Chương trình hành động thực hiện Chiến lược công tác dân tộc đến năm 2020;

- Quyết định số 582/QĐ-TTg ngày 28/4/2017 của Thủ tướng Chính phủ, phê duyệt danh sách thôn đặc biệt khó khăn, xã khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2016 -2020;

- Nghị quyết Đại hội đảng bộ tỉnh Bắc Giang khóa XVIII (2015 - 2020);

- Chương trình công tác năm 2018 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Bắc Giang;

- Quyết định số 853/QĐ-UBND ngày 01/12/2017 của UBND tỉnh, về việc tham mưu cho UBND tỉnh trình Ban Thường vụ Tỉnh ủy cho ý kiến về đề nghị xây dựng Nghị quyết của HĐND tỉnh sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 34/2015/NQ-HĐND.

- Nghị quyết số 34/2015/NQ-HĐND ngày 11/12/2015 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Giang khóa XVII, kỳ họp thứ 14;

- Quyết định số 775/QĐ-UBND ngày 25/12/2015 của UBND tỉnh Bắc Giang, về việc phê duyệt Đề án thực hiện chính sách hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng và giảm nghèo bền vững đối với 36 thôn, bản đặc biệt khó khăn nhất tỉnh Bắc Giang, giai đoạn 2016-2020;

- Căn cứ đề nghị của UBND các huyện Sơn Động, Lục Ngạn, Lục Nam, Yên Thế.

1.2. Căn cứ tình hình thực tiễn

Sau 03 năm (2016 - 2018) thực hiện các chương trình, chính sách đối với 36 thôn, bản ĐBKK nhất tỉnh, đã góp phần cải thiện, phát triển cơ sở hạ tầng phục vụ sản xuất, giao thương hàng hóa, tăng cường cơ sở vật chất giáo dục và thiết chế văn hóa cơ sở; giúp chuyển dịch cơ cấu cây trồng, vật nuôi, thúc đẩy phát triển kinh tế qua đó góp phần giảm nghèo, cải thiện đời sống người dân các thôn, bản đặc biệt khó khăn nhất của tỉnh. Tuy nhiên, thực tế tình hình kinh tế - xã hội và cơ sở hạ tầng của 36 thôn, bản ĐBKK nhất tỉnh và một số thôn, bản ĐBKK khác (ngoài 36 thôn, bản ĐBKK nhất tỉnh) còn rất nhiều khó khăn, nhất là giao thông trong mùa mưa và khó khăn về các công trình thủy lợi phục vụ tưới tiêu, chăn nuôi, sản xuất...rất cần sự tiếp tục quan tâm đầu tư hỗ trợ của tỉnh nhằm giúp giảm nghèo bền vững...

2. Nội dung đề xuất

2.1. Về sửa đổi Nghị quyết số 34/2015/NQ-HĐND ngày 11/12/2015 của HĐND tỉnh Bắc Giang khóa XVII, kỳ họp thứ 14

Từ những khó khăn về kinh tế - xã hội và cơ sở hạ tầng của các thôn, bản trên cho thấy, vấn đề về giao thông đi lại trong mùa mưa và nguồn nước, hạ tầng phục vụ sản xuất là những vấn đề cấp thiết nhất hiện nay. Vì vậy rất cần tiếp tục được hỗ trợ trong thời gian tới để khắc phục khó khăn về giao thông, thủy lợi cho người dân ở đây. Sau khi thống nhất với UBND các huyện Sơn Động, Lục Ngạn, Lục Nam, Yên Thế. Ban Dân tộc tỉnh đề nghị UBND tỉnh xem xét báo cáo, xin ý kiến của Ban Thường vụ Tỉnh ủy; trình đề nghị Hội đồng nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 34/2015/NQ-HĐND ngày 11/12/2015 của HĐND tỉnh Bắc Giang khóa XVII, kỳ họp thứ 14; trong đó các nội dung đề nghị sửa đổi:

1- Về đối tượng hỗ trợ: Tổng số 36 thôn, bản ĐBKK nhất tỉnh giai đoạn 2019 -2021; trong đó:

- 10 thôn/bản được phê duyệt tại Nghị quyết số 34/2015/NQ-HĐND ngày 11/12/2015 của HĐND tỉnh Bắc Giang khóa XVII, kỳ họp thứ 14, nhưng hiện nay vẫn còn rất khó khăn về cơ sở hạ tầng, đặc biệt là những khó khăn về giao thông, thủy lợi cần được tiếp tục đầu tư, hỗ trợ trong giai đoạn 2019 - 2021.

- 26 thôn/bản ĐBKK khác rất khó khăn về giao thông đi lại trong mùa mưa lũ và nước tưới phục vụ sản xuất đã được UBND các huyện Sơn Động, Lục Ngạn, Lục Nam, Yên Thế đề nghị được đưa vào danh mục, kế hoạch hỗ trợ cụ thể trong giai đoạn 2019 - 2021.

(Có danh sách 36 thôn/bản kèm theo)

2-Nội dung hỗ trợ: Hỗ trợ xây dựng các công trình giao thông (ngầm, đường tránh lũ, đường tránh sạt lở, tron trượt), công trình thủy lợi (hồ, đập, trạm bơm) để phục vụ sản xuất và giao thông đi lại của người dân.

3- Kinh phí hỗ trợ: Dự kiến 54 tỷ đồng từ nguồn ngân sách tỉnh.

- Định mức hỗ trợ: 18 tỷ đồng/năm;

- Mức hỗ trợ: 1,5 tỷ đồng/thôn, bản (03 năm, từ 2019 - 2021).

4- Thời gian hỗ trợ: Sửa đổi, điều chỉnh thời gian thực hiện trong giai đoạn 2019 - 2021.

2.2. Về thực hiện các chính sách khác theo Quyết định số 775/QĐ-UBND ngày 25/12/2015 của UBND tỉnh Bắc Giang.

- Đối với các thôn, bản ĐBKK nhất đã được hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng theo Nghị quyết số 34/2015/NQ-HĐND: Tiếp tục thực hiện các chương trình, chính sách ưu tiên khác theo quy định tại Quyết định số 775/QĐ-UBND ngày 25/12/2015 của

UBND tỉnh về phê duyệt đề án thực hiện chính sách hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng và giảm nghèo bền vững đối với 36 thôn bản đặc biệt khó khăn nhất tỉnh, giai đoạn 2016-2020 và Quyết định số 540/QĐ-UBND ngày 13/4/2016, Quyết định số 657/QĐ-UBND ngày 29/4/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh về phân công các đơn vị, doanh nghiệp giúp đỡ các thôn, bản ĐBKK nhất tỉnh.


- Đối với các thôn, bản được đưa vào thực hiện giai đoạn 2019 - 2021: Thực hiện hỗ trợ đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng theo quy định tại Nghị quyết sửa đổi (dự kiến trình HĐND tỉnh phê duyệt trong kỳ họp thứ V, tháng 7/2018); được thực hiện các chương trình, chính sách ưu tiên khác theo quy định tại Quyết định số 775/QĐ-UBND ngày 25/12/2015 của UBND tỉnh; đề nghị UBND tỉnh xem xét phân công các đơn vị, doanh nghiệp giúp đỡ.

Trên đây là báo cáo kết quả thực hiện các chương trình, chính sách đối với 36 thôn/bản ĐBKK nhất giai đoạn 2016 -2018; thực trạng kinh tế - xã hội, cơ sở hạ tầng và đề xuất chủ trương, giải pháp đối với 36 thôn/bản ĐBKK nhất tỉnh, cùng một số thôn bản rất khó khăn khác trong giai đoạn 2019-2021; Ban Dân tộc tỉnh tổng hợp, báo cáo Thường trực UBND tỉnh./.

Nơi nhận:

- Thường trực UBND tỉnh (b/c);
- Đ/c. Lê Ánh Dương - PCT UBND tỉnh (b/c);
- Lưu: VT.
- * Bản điện tử
- Văn phòng UBND tỉnh;
- Phòng VXXG - VPUBND tỉnh;
- LĐ, CSĐT.

TRƯỞNG BAN



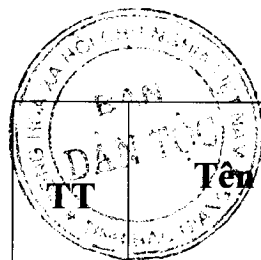
Nguyễn Hồng Luân

**BIỂU 01: DANH SÁCH 36 THÔN BẢN ĐẶC BIỆT KHÓ KHĂN NHẤT TỈNH
ĐỀ NGHỊ ĐƯỢC HỖ TRỢ, ĐẦU TƯ GIAI ĐOẠN 2019-2021**

(Kèm theo Báo cáo số 24/BC-BDT ngày 08/3/2018 của Ban Dân tộc tỉnh Bắc Giang)

TT	Huyện	Xã		Thôn, bản	
		TT	Tên xã	TT	Tên thôn/bản
I	HUYỆN SƠN ĐÔNG (10 xã - 12 thôn/bản)	1	Xã Dương Hưu	1	Bản Mùng
				2	Thôn Đồng Làng
		2	Xã Cẩm Đàn	3	Thôn Góc Gạo
		3	Xã An Lạc	4	Thôn Biêng
				5	Thôn Thác
		4	Xã Vĩnh Khương	6	Thôn Luông
		5	Xã Tuấn Mậu	7	Thôn Thanh Chung
		6	Xã Bông Am	8	Thôn Nam Bông
		7	Xã Hữu Sản	9	Thôn Dân 3
		8	Xã An Bá	10	Thôn Đồng Tàn
II	HUYỆN LỤC NGẠN (09 xã - 12 thôn)	9	Xã Thanh Luận	11	Thôn Gà
		10	Xã Chiên Sơn	12	Thôn Đồng Bang
		11	Xã Sa Lý	13	Thôn Răng Ngoài
		12	Xã Hộ Đáp	14	Thôn Cái Cạn 1
		13	Xã Tân Sơn	15	Thôn Khuân Tô
				16	Thôn Khuân kén
		14	Xã Sơn Hải	17	Thôn Đồng Mậm
				18	Thôn Cổ Vải
		15	Xã Phong Vân	19	Thôn Vừa Ngoài
		16	Xã Cẩm Sơn	20	Thôn Chằm Khon
III	HUYỆN LỤC NAM (04 xã - 07 thôn/bản)			21	Thôn Bên
		17	Xã Đèo Gia	22	Thôn Ruồng
		18	Xã Tân Lập	23	Thôn Hòa Trong
		19	Xã Phú Nhuận	24	Thôn Khuôm
		20	Xã Lục Sơn	25	Thôn Đồng Vành 2
		21	Xã Bình Sơn	26	Thôn Suối Mản
				27	Thôn Đá Húc
IV	HUYỆN YÊN THẾ (05 xã - 05 thôn/bản)	22	Xã Trường Sơn	28	Thôn Khe Sâu
				29	Bản Vua Bà
		23	Xã Vô Tranh	30	Thôn Đồng Mận
				31	Thôn Bắc Máng
		24	Xã Tiến Thắng	32	Thôn Đồng Cờ
		25	Xã Đồng Hưu	33	Thôn Trại Mới
		26	Xã Canh Nậu	34	Bản Nà Táng
		27	Xã Đông Vương	35	Bản Trại Mía
28	Xã Đông Tiên	36	Bản Đồng An		

**BIỂU 2: CHI TIẾT KẾT QUẢ GIÚP ĐỠ CỦA CÁC ĐƠN VỊ, DOANH NGHIỆP
ĐỐI VỚI CÁC THÔN/BẢN ĐBKK NHẤT TỈNH TRONG 02 NĂM TỪ 2016 - 2017**
(Kèm theo Báo cáo số 24/BC-BDT ngày 08/3/2018 của Ban Dân tộc tỉnh Bắc Giang)



TT	Tên đơn vị/doanh nghiệp	Năm giúp đỡ	Thôn/bản được giúp đỡ	Kết quả giúp đỡ			
				Công trình	Học bổng (Xuất)	Quà tặng (Xuất)	Tổng giá trị (trđ)
	Tổng						5.900
1	Công ty cổ phần may Bắc Giang	2016	Thôn Nghè Mản, Đá Húc, xã Bình Sơn	Xây dựng lớp học cho Trường Tiểu học và THCS khu lẻ ở thôn Nghè Mản, Đá Húc			200
2	Ngân hàng Nông nghiệp và PTNT	2016	Bản Vua Bà, xã Trường Sơn	Xây dựng các công trình phụ trợ Trường Mầm non khu lẻ bản Vua Bà - xã Trường Sơn			320
3	Công ty may xuất khẩu Hà Bắc	2016	Bản Còn Trang, xã Canh Nậu	Hỗ trợ sửa chữa Nhà văn hóa bản Còn Trang - xã Canh Nậu,			310
4	Công ty cổ phần may Đáp Cầu	2016	Thôn Khuôn Thân - xã Kiên Lao			12	15
5	Công ty xăng dầu Hà Bắc	2017	Thôn Đồng Phai, xã Hộ Đáp	Xây dựng lớp học mầm non thôn Đồng Phai			260
		2017	Thôn Đồng Chùa, xã Hộ Đáp	Xây dựng lớp học mầm non thôn Đồng Chùa			260
6	Công ty bất động sản Hà Quang (Thành phố Nha Trang - tỉnh Khánh Hòa)	2017	Các xã, thôn bản trên địa bàn huyện Sơn Động, Lục Ngạn, Lục Nam, Yên Thế	Hỗ trợ xây dựng 10 nhà Đoàn kết cho Cựu chiến binh, nạn nhân chất độc màu da cam	900		1.200
7	UBND thành phố Bắc Giang	2017	Thôn Mùng, xã Dương Hưu	Xây dựng nhà văn hóa thôn Mùng		58	662